TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 132/2019/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 08 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị X, sinh năm 1998
Đăng ký thường trú: Tổ 1, khóm L, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh N, sinh năm 1984
Địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị X và anh N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị X và anh N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị X và anh N thống nhất giao cháu D, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2016 cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay cháu D đang sống chung với chị X.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng: Chị X không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân Gia đình 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được giảm 50% do hòa giải thành bằng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), chị X tự nguyện nộp. Chị X đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004931 ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và được hoàn lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện M;
- Chi Cục THADS huyện M ;
- Đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ, tòa.

(Đã ký)

Nguyễn Thụy Lan Chi